

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3186** /UBND-KTHT

Triệu Sơn, ngày **17** tháng 10 năm 2019

V/v xây dựng kế hoạch hỗ trợ
khuyến khích phát triển GTNT
năm 2020.

Kính gửi: UBND các xã, thị trấn.

UBND huyện Triệu Sơn nhận được văn bản số 3597/SGTVT-QLGTNT ngày 25/9/2019 của Sở GTVT Thanh Hóa về việc xây dựng kế hoạch hỗ trợ khuyến khích phát triển GTNT năm 2020. Căn cứ vào nhu cầu cần thiết phải đầu tư trên địa bàn và khả năng nguồn vốn đối ứng của ngân sách xã, mức đóng góp của nhân dân để xây dựng công trình đề nghị hỗ trợ khuyến khích phát triển GTNT trong năm 2020. UBND huyện đề nghị UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch, đăng ký công trình hỗ trợ theo nội dung sau:

1. Danh mục đề nghị hỗ trợ.

- Trên cơ sở số km đường xã, thôn (bản), số công trình chưa được cứng hóa thực tế tại địa phương; UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện trong năm 2020 để đăng ký hỗ trợ.

- Chi tiến hành hỗ trợ đối với các công trình đường xã, đường thôn (bản), công trình thoát nước được thực hiện đầu tư xây dựng trong năm 2020 và đảm bảo theo các quy định tại Nghị quyết số 150/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2480/2016/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND tỉnh.

2. Quy mô cụ thể như sau:

a) Về quy mô hỗ trợ kiên cố hóa mặt đường.

- Đường xã: Chiều rộng nền đường $B_n=4,0-6,5m$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,0-3,5m$.

- Đường thôn (bản): Chiều rộng nền đường $B_n=3,0-5,0m$; chiều rộng mặt đường $B_m=2,0-3,0m$.

- Kết cấu mặt đường láng nhựa, hoặc mặt đường bê tông xi măng (chiều dày tối thiểu $d=15cm$, bê tông tối thiểu mác 200#).

b) Về quy mô hỗ trợ xây dựng công trình thoát nước.

Khổ cầu, tràn $\geq 4,0m$; chiều dài cầu, tràn $L \leq 30m$, tải trọng tối thiểu H13-X60. Kết cấu cầu: Bê tông cốt thép, cầu thép, cầu bán vĩnh cửu. Công trình phải có tổng kinh phí xây lắp ≤ 2 tỷ đồng.

c) Phân vùng và mức hỗ trợ.

Quy định tại Nghị quyết số 150/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

d) Thủ tục, hồ sơ.


- Các công trình kiên cố hóa mặt đường xã; các công trình thoát nước được sửa chữa, xây dựng mới:

+ Trình tự thủ tục từ khi chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc đầu tư thực hiện như quy định về đầu tư xây dựng.

+ Chủ đầu tư triển khai lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình, trình thẩm định và phê duyệt theo quy định (đối với các công trình UBND xã quyết định đầu tư thì Chủ tịch UBND xã phê duyệt).

+ Thực hiện đầu tư: Chủ đầu tư tiến hành lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình theo quy định.

- Các công trình kiên cố hóa mặt đường thôn (bản): UBND cấp xã tổ chức triển khai lập sơ đồ duỗi thẳng tuyến đường, mặt cắt ngang đại diện để tính khối lượng và dự toán, Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt. Khuyến khích cộng đồng dân cư tổ chức triển khai thực hiện công tác thi công xây dựng; công tác giám sát được thực hiện theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành.

Đề nghị UBND các xã, thị trấn tổng hợp, báo cáo danh mục đề nghị hỗ trợ theo mẫu gửi kèm về UBND huyện (qua đ/c Lĩnh - phòng Kinh tế và Hạ tầng) và gửi file báo cáo vào Email: linh1605@gmail.com trước ngày **25/10/2019** để tổng hợp báo cáo Sở GTVT và UBND tỉnh, quá thời gian trên nếu đơn vị nào không gửi báo cáo coi như không có nhu cầu hỗ trợ theo cơ chế./. 

Nơi nhận :

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KTHT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Trường Sơn

UBND xã.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU PHỤ BIỂU:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN CƠ CHẾ KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN GTNT NĂM 2020
(Kèm theo văn bản số 3/86 /UBND-KTHT ngày 17 tháng 10 năm 2019 của UBND huyện Triệu Sơn)

| TT | Danh mục | Loại đường (ĐX, ĐTB) | Thuộc vùng | Kết cấu | Chiều dài (km) | Kinh phí xây lắp (triệu đồng) | Số Km công trình đề nghị hỗ trợ (Km) | Kinh phí đề nghị hỗ trợ (triệu đồng) | Ghi chú |
|-------------------|-----------------------|-------------------------|---------------|---------|-------------------|-------------------------------------|--|--|------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| | Công trình đường GTNT | | | | | | | | |
| | Công trình thoát nước | | | | | | | | |
| Tổng cộng: | | | | | | | | | |

Ghi chú:

Đường xã: ĐX

Đường thôn (bản): ĐTB

Vùng 1: Bao gồm các xã thuộc các huyện đồng bằng (trừ các xã miền núi ở các huyện đồng bằng)

Vùng 2: Bao gồm các xã của 11 huyện miền núi, các xã miền núi của các huyện đồng bằng (trừ những thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 của Chính phủ và những xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã); các xã đã được phê duyệt theo Quyết định 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015, theo chương trình 257 (chương trình hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và Hải đảo).

Vùng 3: Bao gồm những xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 của Chính phủ và những xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã.